

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2020/DS-ST  
Ngày 23-12-2020  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Vĩnh Ảnh

2. Ông Huỳnh Phước

***- Thư ký phiên Tòa:*** Bà Lâm Thị Kim Hằng là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên Tòa:*** Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm Sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2020/TLST-DS ngày 21/10/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 298/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà **Trần Thị Kim H**; Địa chỉ: Đường N, khóm A, phường Z, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

***Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*** Ông Đặng Hiền S, sinh năm 1960; Hộ khẩu thường trú: đường M, khóm D, Phường Z, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 13/11/2020. (vắng mặt)

***- Bị đơn:*** Bà **Trần Thị Kim S**; Địa chỉ: Đường N, khóm A, phường Z, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

***Người đại diện hợp pháp của bị đơn:*** Ông Trần Văn B, sinh năm 1958; Hộ khẩu thường trú: đường A, ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 02/11/2020. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 20/8/2020 và đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 10/10/2020 của nguyên đơn bà Trần Thị Kim H, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:**

Vào ngày 30/9/2010 bà Trần Thị Kim H có cho bà Trần Thị Kim S vay số tiền 2.500.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 1%/tháng. Sau khi vay do làm ăn kinh doanh thua lỗ, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà S không thực hiện việc trả nợ cho bà H. Đến ngày 30/12/2018 bà S làm giấy xác nhận còn nợ bà H số tiền vốn vay là 2.500.000.000 đồng và tiền lãi vay là 900.000.000 đồng. Tuy nhiên sau khi làm giấy xác nhận nợ bà S vẫn không trả nợ theo thỏa thuận nên vào ngày 30/3/2020 bà S làm biên nhận xác nhận còn nợ bà H số tiền vốn vay là 2.500.000.000 đồng và tiền lãi vay là 1.250.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi vay là 3.775.000.000 đồng và cam kết sẽ trả vốn và lãi trong thời hạn 02 tháng, nếu không thực hiện trả nợ theo cam kết thì sẽ chịu lãi suất chậm trả theo quy định của Ngân hàng. Tuy nhiên bà S vẫn không thực hiện theo đúng cam kết.

**Nay bà Trần Thị Kim H yêu cầu Tòa án giải quyết:**

Buộc Trần Thị Kim S phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Kim H số tiền vốn và lãi vay tính đến ngày 10/10/2020 là 3.931.164.383 đồng (Trong đó nợ gốc là 2.500.000.000 đồng và lãi là 1.431.164.383 đồng, cụ thể: lãi từ ngày 30/9/2010 đến ngày 30/3/2020 là 1.250.000.000 đồng, lãi từ ngày 31/3/2020 đến ngày 10/10/2020 là 190 ngày x 2.500.000.000 đồng x 12%/năm = 156.164.383 đồng) và không yêu cầu bà S tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 11/10/2020.

**Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Kim S là ông Trần Văn B trình bày:**

Phía bà Trần Thị Kim S thừa nhận vào ngày 30/9/2010 bà Trần Thị Kim H có cho bà Trần Thị Kim S vay số tiền 2.500.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, mục đích vay để kinh doanh. Sau khi vay do làm ăn kinh doanh thua lỗ, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà S không thực hiện việc trả nợ cho bà H. Đến ngày 30/12/2018 bà S làm giấy xác nhận còn nợ bà H số tiền vốn vay là 2.500.000.000 đồng và tiền lãi vay là 900.000.000 đồng. Tuy nhiên sau khi làm giấy xác nhận nợ bà S vẫn không trả nợ theo thỏa thuận nên vào ngày 30/3/2020 bà S làm biên nhận xác nhận còn nợ bà H số tiền vốn vay là 2.500.000.000 đồng và tiền lãi vay là 1.250.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi vay là 3.775.000.000 đồng và cam kết sẽ trả vốn và lãi trong thời hạn 02 tháng, nếu không thực hiện trả nợ theo cam kết thì sẽ chịu lãi suất chậm trả theo quy định của Ngân hàng. Tuy nhiên do bà S kinh doanh thua lỗ nên không thực hiện việc trả nợ theo đúng cam kết.

Qua yêu cầu của bà H thì phía bà S đồng ý trả cho bà H số tiền vốn và lãi tính đến ngày 10/10/2020 là 3.931.164.383 đồng (Trong đó nợ gốc là 2.500.000.000 đồng và lãi là 1.431.164.383 đồng).

Thời hạn trả vào ngày 16/3/2021 (trả một lần).

Trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 15 tháng 12 năm 2020, ông Trần Văn B là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận bà S còn nợ bà Trần Thị Kim H số tiền vốn và lãi tính đến ngày 10/10/2020 là 3.931.164.383 đồng (Trong đó nợ gốc là 2.500.000.000 đồng và lãi là 1.431.164.383 đồng).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **Về tố tụng:**

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị Kim H khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Kim S thanh toán số tiền vốn vay và tiền lãi còn nợ. Bà Trần Thị Kim S cư trú tại Đường N, khóm A, phường Z, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Đặng Hiền S và người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Trần Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ nhất nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Hợp đồng vay tài sản giữa bà H và bà S được xác lập trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật và đang được thực hiện nhưng có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

#### **Về nội dung vụ án:**

[4]. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị Kim S thừa nhận vào ngày 30/9/2010 bà Trần Thị Kim S có vay của bà Trần Thị Kim H số tiền 2.500.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, mục đích vay để kinh doanh. Sau khi vay do làm ăn kinh doanh thua lỗ, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà S không thực hiện việc trả nợ cho bà H. Đến ngày 30/12/2018 bà S làm giấy xác nhận còn nợ bà H số tiền vốn vay là 2.500.000.000 đồng và tiền lãi vay là 900.000.000 đồng. Tuy nhiên sau khi làm giấy xác nhận nợ bà S vẫn không trả nợ theo thỏa thuận nên vào ngày 30/3/2020 bà S làm biên nhận xác nhận còn nợ bà H số tiền vốn vay là 2.500.000.000 đồng và tiền lãi vay là 1.250.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi vay là 3.775.000.000 đồng. Tại buổi hòa giải ngày 16/11/2020 và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 15 tháng 12 năm 2020, ông Trần Văn B là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Kim S thừa nhận bà S còn nợ bà Trần Thị Kim H số tiền vốn và lãi tính đến ngày 10/10/2020 là 3.931.164.383 đồng (Trong đó nợ gốc là 2.500.000.000 đồng và lãi là 1.431.164.383 đồng).

Như vậy, có cơ sở xác định trên thực tế giữa bà Trần Thị Kim H và bà Trần Thị Kim S có giao kết hợp đồng vay tài sản để vay số tiền là 2.500.000.000 đồng, các bên tiến hành giao kết Hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung Hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật, do đó hợp đồng trên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng. Tuy nhiên, sau khi vay bà S đã không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn và lãi vay cho bà S theo đúng thỏa thuận. Tính đến nay bà S chưa trả tiền vốn và lãi vay cho bà H. Nay bà Trần Thị Kim H yêu cầu bà Trần Thị Kim S phải trả số tiền vốn vay đã nhận là 2.500.000.000 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về lãi suất: Xét thấy, khi vay bà S và bà H thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng, mức lãi suất các bên thỏa thuận không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Theo đơn khởi kiện, bà H chỉ yêu cầu bà S trả lãi từ ngày 30/9/2010 đến ngày 30/3/2020 với số tiền 1.250.000.000 đồng theo biên nhận ngày 30/3/2020 và tiền lãi từ ngày 31/3/2020 đến ngày 10/10/2020 là 190 ngày x 2.500.000.000 đồng x 12%/năm = 156.164.383 đồng). Hội đồng xét xử xét thấy, theo thỏa thuận, bà H cho bà S vay tiền với lãi suất là 1%/tháng như vậy số tiền lãi tính từ ngày 30/9/2010 đến ngày 30/3/2020 là (2.500.000.000 đồng x 114 tháng x 1%/tháng) 2.850.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 31/3/2020 đến ngày 10/10/2020 là 06 tháng 9 ngày x 2.500.000.000 đồng x 1%/tháng = 156.164.383 đồng. Tổng cộng là 3.006.164.383 đồng. Tuy nhiên, bà H chỉ yêu cầu số tiền lãi là 1.431.164.383 đồng là có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với số tiền lãi tiếp theo từ ngày 11/10/2020 do bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Như vậy, tổng số tiền vốn và lãi mà bà Trần Thị Kim S có nghĩa vụ phải thanh toán cho bà Trần Thị Kim H là 3.931.164.383 đồng (Trong đó nợ gốc là 2.500.000.000 đồng và lãi là 1.431.164.383 đồng).

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Kim H được chấp nhận nên bà H không phải chịu án phí. Bà Trần Thị Kim S phải chịu án phí số tiền 110.623.288 đồng. Tuy nhiên, do bà S là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bà S được miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 1, 2 Điều 468, khoản 1 Điều 470, điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

[1]. Buộc bà Trần Thị Kim S có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Kim H số tiền vốn và lãi tính đến ngày 10/10/2020 là 3.931.164.383 đồng (Trong đó nợ gốc là 2.500.000.000 đồng và lãi là 1.431.164.383 đồng).

Kể từ ngày bà Trần Thị Kim H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Trần Thị Kim S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền vốn vay còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Kim S được miễn nộp tiền án phí. Hoàn trả cho bà Trần Thị Kim H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 55.311.600 đồng theo biên lai thu số 0004673 ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[3]. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận**

- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND - TPST;
- Thi hành án DS - TPST;
- Lưu.

## **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy Uyên**